

Số: /KH-SNN

Nghệ An, ngày tháng năm 2023

KẾ HOẠCH

Chuyển đổi số Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Nghệ An năm 2024

Phần I

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2023

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN MỤC TIÊU ĐẶT RA NĂM 2023

Trong năm 2023, Sở Nông nghiệp và PTNT đã bám sát và thực hiện nghiêm túc Nghị quyết 09-NQ/TU ngày 05/8/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Nghệ An đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 586/KH-UBND ngày 22/8/2022 của UBND tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Nghệ An đến năm 2025; Kế hoạch số 76/KH-UBND ngày 15/02/2023 về việc chuyển đổi số tỉnh Nghệ An năm 2023.

Sở đã ban hành Kế hoạch 414/SNN-VP ngày 14/2/2023 Kế hoạch triển khai, thực hiện nhiệm vụ Đề án Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực thực vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 của Sở Nông nghiệp và PTNT năm 2023; Kế hoạch số 2287/KH-SNN-KHCN ngày 21/06/2023 Kế hoạch chuyển đổi số Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn năm 2023; Công văn số 2310/SNN-KHCN ngày 22/6/2023 về việc triển khai thực hiện, báo cáo kết quả thực hiện các Kế hoạch của UBND tỉnh, Kế hoạch của Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về chuyển đổi số; Công văn số 3468/SNN-KHCN ngày 11/9/2023 về việc đôn đốc thực hiện các Kế hoạch của UBND tỉnh, Kế hoạch của Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về chuyển đổi số.

Mục tiêu đạt được năm 2023:

- Bước đầu tạo sự thống nhất trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành, tổ chức thực hiện và cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp theo Nghị quyết 09-NQ/TU ngày 05/8/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Nghệ An đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 586/KH-UBND ngày 22/8/2022 của UBND tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Nghệ An đến năm 2025; Kế hoạch số 76/KH-UBND ngày 15/02/2023 về việc chuyển đổi số tỉnh Nghệ An năm 2023.

- 100% đơn vị thuộc sở kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng.

- 90% cán bộ, công chức, viên chức của Ngành Nông nghiệp được đào tạo, bồi dưỡng về kỹ năng số.

- Hệ thống thông tin của Sở được phê duyệt cấp độ và triển khai đầy đủ phương án đảm bảo an toàn, an ninh thông tin.

-100% báo cáo định kỳ theo quy định được cập nhật trên Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh và Hệ thống báo cáo của Chính phủ.

- 45% tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến toàn trình; và trên 90 % người dân và doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết TTHC của Ngành.

- Hơn 90% hồ sơ công việc tại Cơ quan sở, Chi cục thuộc sở và hơn 75% tại đơn vị thuộc sở còn lại được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

- Hơn 90 % văn bản trao đổi giữa các cơ quan của Sở được thực hiện dưới dạng điện tử, được ký số bởi chữ ký số chuyên dùng (trừ văn bản mật theo quy định).

- 100% công tác báo cáo (không bao gồm nội dung mật) của cơ quan được cập nhật, chia sẻ trên Hệ thống thông tin báo cáo cấp tỉnh, kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.

- 100% máy tính cơ quan sở có hỗ trợ bảo mật đồng thời được trang bị phần mềm diệt virus có trả phí nhằm đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trong hoạt động của cơ quan.

- Trên 80% hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính (viết tắt TTHC) đã được số hóa và 100% hồ sơ TTHC được giải quyết trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh.

- Trong năm 2023, Sở đã quản bá các sản phẩm OCOP tại các hội chợ, sàn thương mại điện tử, Công thông tin điện tử, đặc biệt tổ chức thành công sự kiện Toạ đàm “Định hướng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội miền Tây Nghệ An” tại Bộ Nông nghiệp và PTNT.

- Tính đến ngày 31/10/2023, toàn tỉnh có 471 sản phẩm OCOP được công nhận đạt tiêu chuẩn 3 sao trở lên, trong đó có 1 sản phẩm đạt tiêu chuẩn 5 sao; có 198/423 (42,03 %) sản phẩm OCOP được giao dịch trên các sàn thương mại điện tử.

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ NĂM 2023

1. Nhận thức số

1.1. Ngày Chuyển đổi số

a) Kết quả đạt được:

- Được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy, chính quyền, CBCCVC trong toàn sở tích cực hưởng ứng ngày Chuyển đổi số Quốc gia.

- Ban hành Công văn 3517/SNN-VP, ngày 13/09/2023 về việc triển khai thực hiện Kế hoạch số 634/KH-UBND ngày 29/8/2023 của UBND tỉnh kế hoạch tổ chức Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2023 trên địa bàn tỉnh Nghệ An; treo băng rôn, băng điện tử hưởng ứng ngày chuyển đổi số Quốc gia (từ ngày 01/10/2023 đến hết ngày 10/10/2023).

b) Tồn tại, hạn chế: Công tác tuyên truyền chỉ thực hiện theo đợt nên hiệu quả chưa cao.

1.2. Chia sẻ bài toán, sáng kiến, cách làm về chuyển đổi số

a) Kết quả đạt được:

- Sở đã quán triệt, chỉ đạo, phổ biến và đánh giá tại kỳ họp giao ban hàng tháng về chuyển đổi số; Đã huy động được sự vào cuộc của Đảng ủy, Chi ủy, Đoàn thanh niên và toàn bộ cán bộ công nhân viên chức toàn Ngành Nông nghiệp và Phát triển

nông thôn về thực hiện chuyển đổi số. Phát huy vai trò của người đứng đầu nêu gương trong chuyển đổi số tại đơn vị thuộc sở.

- Thành lập các nhóm zalo đảng bộ, chi bộ để tuyên truyền, cách làm hay, chia sẻ kinh nghiệm, trao đổi trong thực hiện thành công chuyển đổi số.

- Mời các chuyên gia đầu ngành của bộ, ngành tham vấn, chia sẻ kinh nghiệm trong chuyển đổi số.

b) Tồn tại, hạn chế:

Nhận thức về chuyển đổi số của một số cán bộ, công chức, viên chức và người lao động chưa bắt kịp với yêu cầu của công nghệ, của chuyển đổi số. Lãnh đạo một số đơn vị thuộc sở chưa quyết liệt và thường xuyên, chưa đặt nhiệm vụ chuyển đổi số ngang tầm trong chỉ đạo.

1.3. Kênh truyền thông chuyển đổi số

- Sở đã mở chuyên mục chuyển đổi số Ngành Nông nghiệp và phát triển nông thôn trên Cổng thông tin điện tử của Sở.

- Ban hành Công văn 3517/SNN-VP, ngày 13/09/2023 về việc triển khai thực hiện Kế hoạch số 634/KH-UBND ngày 29/8/2023 của UBND tỉnh kế hoạch tổ chức ngày chuyển đổi số quốc gia năm 2023 trên địa bàn tỉnh Nghệ An chỉ đạo các phòng, đơn vị thuộc sở hưởng ứng ngày chuyển đổi số.

- Thành lập nhóm zalo trong tuyên truyền, hướng dẫn sử dụng dịch vụ công, hỗ trợ công dân nộp hồ sơ trực tuyến; tuyên truyền các tin bài về chuyển đổi số trên Cổng thông tin điện tử của sở; phối hợp với Đài phát thanh và Truyền hình tỉnh tuyên truyền các chính sách, quy định của pháp luật thông qua chương trình “Nhịp cầu nhà nông”. (19 chuyên đề, 01 phóng sự đã phát sóng).

- Tổ chức 03 lớp tập huấn và 01 Hội nghị tọa đàm về chuyển đổi số.

2. Thể chế số

2.1. Ban hành kế hoạch về chuyển đổi số

- Sở đã ban hành Kế hoạch số 3265/SNN-KHCN ngày 15/09/2022 Kế hoạch chuyển đổi số Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giai đoạn 2022 - 2025; Kế hoạch số 2287/KH-SNN-KHCN ngày 21/06/2023 Kế hoạch chuyển đổi số Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn năm 2023.

- Về cơ chế chính sách hỗ trợ chuyển đổi số trong nông nghiệp: Hiện nay, Sở đang triển khai Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 và đã hỗ trợ xây dựng các mô hình ứng dụng chuyển đổi số sản xuất các loại cây con; ứng dụng cơ giới hoá trong sản xuất (máy phun thuốc không người lái).

2.2. Hoạt động của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số năm 2023

a) Kết quả đạt được:

- Sở Nông nghiệp và PTNT đã thành lập Ban chỉ đạo chuyển đổi số năm 2022 do Giám đốc sở làm trưởng ban; Ngày 06/12/2023, Sở đã ban hành Quyết định số 246/QĐ-SNN-TCCB kiện toàn lại Ban chỉ đạo chuyển đổi số Sở Nông nghiệp và PTNT; trên cơ sở đó Sở đã ban hành Quyết định thành lập tổ giúp việc chuyên đổi số và ban hành Quyết định số 426/QĐ-KHCN ngày 21/06/2022 ban hành Quy chế hoạt động của ban chỉ đạo về chuyển đổi số lĩnh vực nông nghiệp tỉnh Nghệ An.

- Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số của Sở Nông nghiệp và PTNT đã tổ chức quán triệt đầy đủ nội dung Nghị quyết số 09-NQ/TU cho cán bộ đảng viên, cán bộ công chức, viên chức, người lao động về chuyển đổi số.

- Chỉ đạo, triển khai các chương trình hội thảo, các khoá tập huấn, bồi dưỡng nâng cao nhận thức, kỹ năng ứng dụng công nghệ số cho đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động. Tập huấn nâng cao kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin, kỹ năng chuyển đổi số cho doanh nghiệp nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh. Đồng thời cử cán bộ, công chức, viên chức tham gia tập huấn chuyển đổi số của tỉnh.

- Chỉ đạo các phòng sở, đơn vị thuộc sở xây dựng đồng bộ Hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Năm 2023, đã xây dựng cơ sở dữ liệu ngành chăn nuôi.

- Chỉ đạo, ban hành các kế hoạch và tổ chức thực hiện chuyển đổi số trong chính phủ số đặc biệt ứng dụng các phần mềm trong quản lý chỉ đạo điều hành, chữ ký số.

- Ngoài ra, chỉ đạo, hỗ trợ chuyển đổi số trong hoạt động sản xuất và kinh doanh đối với doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp đặc biệt là chỉ đạo các phòng sở, đơn vị thuộc sở tăng cường giải quyết TTHC, hướng dẫn người dân nộp hồ sơ TTHC điện tử nhằm giảm các chi phí đi lại của người dân.

b) Tồn tại, hạn chế:

Ban chỉ đạo chuyển đổi số của sở hầu hết là lãnh đạo các phòng, đơn vị kiêm nhiệm thêm các nhiệm vụ khác nên việc chuyên tâm chỉ đạo hoạt động chuyển đổi số trong lĩnh vực phụ trách còn chưa được quyết liệt.

3. Hạ tầng số

a) Kết quả đạt được:

- Cán bộ, công chức, viên chức tại Cơ quan Sở và các đơn vị thuộc Sở được trang bị máy vi tính, máy in để thực hiện công việc.

- Tỷ lệ cán bộ công chức, viên chức sử dụng máy tính trong quản lý, xử lý công việc tại Cơ quan Sở và đơn vị thuộc Sở đạt 100%.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức tại Cơ quan Sở và đơn vị thuộc Sở đã sử dụng Hệ thống mạng chuyên dùng của tỉnh.

- Hạ tầng mạng LAN, WAN và Internet trong Cơ quan Sở và đơn vị thuộc Sở đã được đầu tư tương đối đầy đủ, 32/32 đơn vị trong ngành có kết nối mạng LAN, WAN và Internet, đáp ứng nhu cầu trao đổi dữ liệu, kết nối với các đơn vị trong và ngoài tỉnh.

- Sở đã lắp đặt Hệ thống phòng họp trực tuyến kết nối liên thông với UBND tỉnh.

- Đầu tư lắp đặt Hệ thống camera giám sát, cảnh báo cháy rừng tại Ban quản lý rừng phòng hộ Bắc Nghệ An và Ban quản lý rừng phòng hộ Nghi Lộc.

b) Tồn tại, hạn chế:

Nhìn chung hạ tầng máy tính, hạ tầng mạng tại Cơ quan Sở và các đơn vị thuộc Sở cơ bản đáp ứng nhu cầu hoạt động, công tác chuyên môn. Tuy nhiên, cũng có một số máy tính được trang bị từ lâu, tốc độ xử lý chậm, không đáp ứng được công nghệ như hiện nay do nguồn kinh phí hàng năm ngân sách bố trí mua sắm trang thiết bị còn hạn chế.

4. Dữ liệu số

a) Kết quả đạt được:

- Lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật: Tiếp tục ứng dụng Hệ thống bản đồ nông hóa thổ nhưỡng đối với cây lúa (trang Datluanghean.com). Ứng dụng Hệ thống tưới tự động, theo dõi các chỉ số (độ ẩm, gió, lượng mưa, độ PH,...). Xây dựng mã vùng trồng, phần mềm về truy xuất nguồn gốc nông sản. Triển khai Hệ thống CSDL trồng trọt, CSDL bảo vệ thực vật do Cục Trồng trọt và Cục Bảo vệ thực vật - Bộ Nông nghiệp và PTNT chủ trì xây dựng.

- Lĩnh vực Chăn nuôi và Thú y: Đã xây dựng cơ sở dữ liệu ngành chăn nuôi năm 2023; ứng dụng Hệ thống thông tin dịch bệnh động vật Việt Nam (Cục Thú y - Bộ Nông nghiệp và PTNT chủ trì xây dựng); công nghệ kiểm soát nhiệt độ trong chuồng nuôi.

- Lĩnh vực Thủy sản: Xây dựng cơ sở dữ liệu bản đồ vùng nuôi (WebGIS); Hệ thống (Máy VX-1700) thông tin tầm xa phục vụ quản lý tàu cá trên biển; thiết bị giám sát hành trình VMS; Hệ thống camera giám sát tàu cá tại các cảng; tiếp tục ứng dụng CSDL nghề cá quốc gia (VNFISHBASE); Hệ thống dữ liệu về nuôi trồng thủy sản; dữ liệu về giống thủy sản; dữ liệu về thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản; dữ liệu về quan trắc, cảnh báo môi trường trong nuôi trồng thủy sản do Cục Thủy sản - Bộ Nông nghiệp và PTNT chủ trì xây dựng.

- Lĩnh vực Lâm nghiệp: Tiếp tục ứng dụng phần mềm theo dõi diễn biến rừng (FMRS) trong lĩnh vực lâm nghiệp; tiếp tục triển khai phần mềm quản lý cơ sở nuôi động vật hoang dã (ĐVHD) do Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam chủ trì xây dựng; tiếp tục triển khai Hệ thống giám sát đánh giá chi trả dịch vụ môi trường rừng (DVMTR); Hệ thống quản lý CSDL gắn với Hệ thống giám sát chi trả dịch vụ môi trường rừng.

- Lĩnh vực Thủy lợi, phòng chống thiên tai: triển khai Hệ thống bản đồ ngập lụt hạ du các hồ chứa nước trên lưu vực sông Cả do Trường Đại học Thủy lợi chủ trì xây dựng; Hệ thống đo mưa chuyên dụng Vrain; quản lý vận hành xả lũ Hồ Vực Mầu.

- Lĩnh vực Khuyến nông: Đã xây dựng các mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng chuyển đổi số gắn với thương mại điện tử và chuỗi sản xuất các sản phẩm chủ lực của tỉnh.

- Lĩnh vực Quản lý Chất lượng nông lâm sản và thủy sản: Hỗ trợ phát triển các mô hình sản xuất nông nghiệp thông minh, phát triển mạng lưới logistics gắn với thương mại điện tử, hỗ trợ tem truy xuất nguồn gốc theo mã QR.

- Thực hiện tốt Kế hoạch số 36/KH-UBND ngày 19/1/2023 công tác văn thư lưu trữ tỉnh Nghệ An năm 2023.

b) Tồn tại, hạn chế:

Chưa xây dựng, kết nối kho dữ liệu, hoàn thiện các CSDL chuyên ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

5. Nền tảng số

- Sở đã triển khai cung cấp 37 TTHC theo dịch vụ công trực tuyến một phần, 74 TTHC theo dịch vụ công trực tuyến toàn trình (chiếm 66,66%). 100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở được thực hiện trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh. Tổng số hồ sơ thực hiện tiếp nhận và giải quyết trực tuyến đối với các TTHC thực hiện toàn trình: 1.243/2.748 hồ sơ chiếm 45,23%.

- 100% TTHC có phí, lệ phí được thực hiện thanh toán trực tuyến trên Hệ thống giải quyết TTHC của tỉnh theo quy định (trừ TTHC mang tính đặc thù).

- Tỷ lệ số hóa hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh đạt 86,4%.

- Ngoài ra, nền tảng mạng xã hội (zalo, facebook, youtube,...) được ứng dụng để tuyên truyền, triển khai rộng rãi.

- 198 sản phẩm OCOP của tỉnh Nghệ An đã lên các sàn thương mại điện tử (sàn thương mại điện tử Nghệ An đã đăng tải 118 sản phẩm OCOP; sàn Vò Sò của Viettel 45 sản phẩm OCOP; sàn Postmark 35 sản phẩm OCOP).

6. Nhân lực số

a) Kết quả đạt được:

- Sở Nông nghiệp và PTNT có Giám đốc sở làm trưởng ban chỉ đạo chuyển đổi số, bố trí 01 đồng chí Phó Giám đốc Sở chỉ đạo trực tiếp công tác chuyển đổi số; 01 công chức có trình độ chuyên môn Đại học ngành công nghệ thông tin tham mưu triển khai công tác chuyển đổi số của ngành.

- Đơn vị cử cán bộ tham gia đầy đủ các lớp đào tạo bồi dưỡng kỹ năng lãnh đạo, quản lý chuyển đổi số, bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số, an toàn internet trên nền tảng học trực tuyến mở đại trà cho cán bộ, công chức viên chức toàn Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; các lớp bồi dưỡng chuyên sâu cho đội ngũ cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin do Sở Thông tin và Truyền thông, UBND tỉnh tổ chức

- Đã tổ chức 03 lớp tập huấn với hơn 200 cán bộ công chức, viên chức tham gia về ứng dụng Hệ thống quản lý văn bản và điều hành và ký số cho lãnh đạo, văn thư và cán bộ công chức, viên chức làm công tác tham mưu, văn thư tại các đơn vị thuộc sở.

- Tổ chức 01 hội nghị giới thiệu, trao đổi về xây dựng và phát triển chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp và PTNT với hơn 150 cán bộ công nhân viên chức Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham gia.

- Tổ chức 08 lớp tập huấn, hướng dẫn cho 340 lượt người tham dự của 10 huyện, thành phố, thị xã là cán bộ phòng nông nghiệp/kinh tế huyện/thành phố/thị xã, cán bộ trung tâm dịch vụ nông nghiệp; cán bộ thú y cấp xã/phường,

người trực tiếp tham gia quản lý hoạt động chăn nuôi trên địa bàn về sử dụng phần mềm cơ sở dữ liệu chăn nuôi.

- Ngoài ra Sở đã cử 31 cán bộ công nhân viên chức làm kiêm nhiệm thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin tại các đơn vị thuộc sở.

b) Tồn tại, hạn chế:

Trình độ, năng lực về CNTT và chuyển đổi số của một số cán bộ, công chức, viên chức và người dân còn hạn chế nên khó tiếp cận với các tiện ích, nền tảng số.

7. An toàn thông tin mạng

a) Kết quả đạt được:

- Sở đã ban hành Quyết định số 660/QĐ-SNN-VP ngày 23/10/2023 Quy chế bảo đảm an toàn, an ninh mạng của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Nghệ An;

- Sở đã phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông khảo sát, kiểm tra, đánh giá về an toàn thông tin năm 2023 tại Sở Nông nghiệp và PTNT theo Biên bản số 2542/BB-STTTT ngày 9/11/2023.

- Tổ chức xây dựng và trình Sở Thông tin và Truyền thông phê duyệt cấp độ an toàn Hệ thống thông tin đối với Hệ thống thông tin: Hệ thống Mạng nội bộ (LAN) của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Nghệ An theo Quyết định số 290/QĐ-STTTT ngày 27/11/2023 và tổ chức thực hiện theo hồ sơ cấp độ.

- Cử cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin của huyện tham gia đầy đủ các lớp tập huấn về ATTT của tỉnh tổ chức trong năm 2023.

b) Tồn tại, hạn chế:

Nhận thức một số cán bộ công chức, viên chức và người lao động về công tác đảm bảo an toàn thông tin còn hạn chế.

8. Chính phủ số

a) Kết quả đạt được:

- Ứng dụng Hệ thống quản lý văn bản và điều hành VNPTIOffice:

+ Sở đã ban hành Quyết định số 170/QĐ-SNN-VP ngày 27/3/2018 về việc ban hành quy chế quản lý và sử dụng văn bản điện tử, chữ ký số, chứng thư số tại Sở Nông nghiệp và PTNT; Quyết định số 155/QĐ-SNN ngày 22/3/2023 ban hành quy chế công tác văn thư, lưu trữ của Sở Nông nghiệp và PTNT Nghệ An.

+ Trên cơ sở đó, Sở luôn rà soát người dùng Hệ thống quản lý văn bản và điều hành VNPTIOffice và cấp tài khoản cho các phòng, đơn vị. Ngoài ra Sở giám sát và có văn bản nhắc nhở các đơn vị sử dụng Hệ thống VNPTIOffice chưa hiệu quả (Công văn số 1723/SNN-VP 17/05/2023 về việc chấn chỉnh, tăng cường trách nhiệm trong giải quyết công việc, giải quyết TTHC, Công văn 5107/SNN-VP ngày 12/12/2023 về việc chấn chỉnh việc sử dụng Hệ thống quản lý điều hành VNPT IOffice và ký số văn bản...), ngoài ra trong các cuộc họp giao ban, chuyên đề Giám đốc Sở luôn đôn đốc nhắc nhở các phòng, đơn vị thực

hiện nghiêm túc việc sử dụng Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tại đơn vị.

+ Sở tổ chức tập huấn cho các đơn vị sử dụng Hệ thống quản lý văn bản và điều hành, sử dụng chữ ký số trong phát hành văn bản đi. Tính đến 15/12/2023, Sở Nông nghiệp có tỷ lệ duyệt văn bản trên Hệ thống phần mềm VNPTIOFFice chiếm 97%; tỷ lệ văn bản đi ký số trên Hệ thống phần mềm VNPTIOFFice chiếm 97%.

- Ứng dụng Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh:

Năm 2023, tổng số TTHC/danh mục TTHC được công bố: 111 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và PTNT; 21 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện; 11 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã; trong đó số TTHC được công khai tại đơn vị, trên Cổng thông tin điện tử sở, trên Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh và trên Trung tâm hành chính công thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và PTNT là 111 TTHC.

Sở Nông nghiệp và PTNT đã triển khai 74/111 TTHC cho phép thực hiện trên cổng dịch vụ công trực tuyến mức toàn trình (chiếm 66,66%). 100% hồ sơ TTHC được đưa lên Hệ thống giải quyết TTHC để thực hiện. Các TTHC có phí/lệ phí được thanh toán trực tuyến, tỷ lệ số hóa hồ sơ chiếm 86,4%.

- Triển khai họp trực tuyến theo chỉ đạo của Bộ, UBND tỉnh.

- Tình hình triển khai Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh, Hệ thống thông tin báo cáo của Chính phủ: thực hiện đầy đủ theo quy định.

- Cổng thông tin điện tử được thực hiện cung cấp thông tin, bài viết đầy đủ, từ ngày 1/1/2023 đến ngày 15/12/2023, Sở đã cung cấp 804 tin, văn bản chỉ đạo điều hành.

- Triển khai đầy đủ và hiệu quả các phần mềm quản lý cán bộ công chức, viên chức; bảo hiểm xã hội; quản lý tài sản, kê khai thuế; phần mềm kế toán,...

b) Tồn tại, hạn chế:

Kết quả nộp hồ sơ trực tuyến của tổ chức, cá nhân còn thấp; tỷ lệ người dùng thường xuyên phần mềm quản lý văn bản điều hành của một số đơn vị thuộc sở chưa đạt yêu cầu.

Nguyên nhân: Sở Nông nghiệp và PTNT có 03 TTHC đặc thù giải quyết trực tiếp cho người dân và doanh nghiệp, không thông qua Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh lại chiếm tỷ lệ lớn số hồ sơ yêu cầu giải quyết TTHC trong năm 2023.

9. Kinh tế số

a) Kết quả đạt được:

- Tính đến 31/10/2023, Tổng số doanh nghiệp, hợp tác xã, làng nghề, hộ Sản xuất nông nghiệp Nghệ An... được đưa lên các sàn thương mại điện tử là 266.373 hộ, tổng số sản phẩm được đưa lên sàn là 8.836 sản phẩm, xếp thứ 5 cả nước về số sản phẩm nông nghiệp được đưa lên sàn.

- Năm 2023, Nghệ An có tổng diện tích canh tác nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên: 32.280,9 ha, chiếm 9,9% diện tích sản xuất đất nông nghiệp; trong đó diện tích đất trồng trọt là 31.818,2 ha, diện tích nuôi trồng thủy sản là 462,7 ha, cụ thể: Sản xuất rau, củ, quả: 1.634,40 ha; sản xuất cây lâu năm và cây ăn quả: 5.623,63 ha; sản xuất cây thức ăn chăn nuôi bò sữa: 2.859,23 ha; sản xuất mía nguyên liệu 2.121 ha; sản xuất lúa: 18.823 ha; sản xuất lạc: 251 ha; sản xuất chanh leo: 6 ha; sản xuất cây dược liệu: 102 ha và một số cây khác như: hoa lan, rế hương... 398 ha. Nuôi tôm thẻ chân trắng, cá nước ngọt ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật có tổng diện tích là 462,7 ha.

Trong hơn 31.818,2 ha diện tích canh tác nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, các công nghệ sau được áp dụng vào sản xuất nông nghiệp:

- + Về ứng dụng công nghệ sản xuất giống cây trồng có: 446,9 ha.
- + Về ứng dụng công nghệ tưới nhỏ giọt (ngoài trời) có: 6.595 ha.
- + Về ứng dụng công nghệ nhà kính, nhà lưới có: 44,4 ha.
- + Về ứng dụng công nghệ thâm canh cây trồng: SRI có: 9.689,5 ha; ICM: 8.918,8ha.
- + Về ứng dụng công nghệ theo quy trình VietGAP, Organic có: 1.216,5 ha (Trong đó có 388,82 ha được cấp giấy chứng nhận GAP, hữu cơ và tương đương).
- + Về ứng dụng công nghệ cơ giới hóa đồng bộ (sản xuất đến chế biến, bảo quản) có: 4.581 ha.
- + Về ứng dụng công nghệ khác có: 325 ha.

- Tổng đàn bò được nuôi ứng dụng công nghệ cao trên 69.995 con, trong đó 68.990 bò sữa được nuôi theo công nghệ Ixren; Tổng đàn lợn được nuôi ứng dụng công nghệ cao là 87.375 theo công nghệ tự động hóa, khép kín và an toàn sinh học.

- Toàn tỉnh hiện có 25 doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp, một số doanh nghiệp tiêu biểu như: Tập đoàn TH, Vinamilk Nghệ An, Tổng Công ty cổ phần VTNN Nghệ An, Công ty TNHH Khoa học Công nghệ Vĩnh Hòa, Công ty TNHH mía đường Nasu; ... có 35 hợp tác xã ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp.

- Có 06 doanh nghiệp đã được công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

b) Tồn tại, hạn chế:

- Sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh mới tập trung vào việc ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật ở từng khâu của quá trình sản xuất, mà chưa có nhiều sản phẩm ứng dụng công nghệ cao theo chuỗi giá trị sản phẩm.

- Số doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn nói chung, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao nói riêng còn ít.

- Lực lượng lao động tham gia sản xuất nông nghiệp trình độ thấp, khả năng tiếp cận công nghệ còn nhiều hạn chế; lao động ngoài độ tuổi lao động chiếm tỷ lệ cao.

- Nguồn lực hỗ trợ trong phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao còn hạn chế, thủ tục hưởng ưu đãi từ các chính sách còn bất cập. Địa phương vẫn thiếu các cơ chế, chính sách để thu hút các lực lượng tham gia vào sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

10. Xã hội số

a) Kết quả đạt được:

Năm 2023, Sở Nông nghiệp và PTNT đã tổ chức 408 lớp tập huấn, hội nghị với 16.173 người tham gia để tuyên truyền, phổ biến về các nội dung tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản; HACCP; Vietgap; chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng, hướng dẫn thi hành luật và hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến trong thực hiện dịch vụ công cho người dân; tập huấn các kỹ năng sử dụng thiết bị thông minh và khai thác ứng dụng sàn thương mại điện tử, giao dịch trực tuyến.

- Hỗ trợ, tư vấn doanh nghiệp, hợp tác xã, nông dân tiếp cận các mô hình nông nghiệp thông minh, nông nghiệp công nghệ cao, phát triển chuyển đổi số trong hoạt động sản xuất, chế biến, kinh doanh sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; biết ứng dụng các công nghệ vào quy trình sản xuất, khai thác thông tin cung - cầu thông qua mạng Internet, mua bán trực tuyến.

- Tổ chức các sự kiện, tham gia các hội chợ về giới thiệu sản phẩm tại các tỉnh, đặc biệt tổ chức thành công sự kiện tọa đàm “Định hướng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội miền Tây Nghệ An” tại Bộ Nông nghiệp và PTNT và đã giới thiệu, mang đến các trải nghiệm đặc sắc về con người, văn hóa và nét đẹp thiên nhiên của miền Tây Nghệ An, là sự kiện đã giúp tỉnh Nghệ An mang âm thực, văn hóa Nghệ An quảng bá cho cả nước và ra ngoài thế giới.

- Sở Nông nghiệp và PTNT đã tích cực thực hiện Đề án 06/CP, phối hợp triển khai thực hiện tốt các nhiệm vụ do Công an tỉnh và UBND tỉnh yêu cầu.

b) Tồn tại, hạn chế:

Việc phổ biến, tập huấn cho người dân tiếp cận chuyển đổi số trong nông nghiệp mặc dù đã triển khai nhưng do trình độ của người dân còn hạn chế, nên hiệu quả chưa cao.

11. Kinh phí thực hiện

Tổng kinh phí thực hiện đã đầu tư cho CNTT (máy tính, máy in và duy trì web, phần mềm CSDL)/Chuyển đổi số nói chung của Sở và đơn vị thuộc sở năm 2023 là 2.942.000.000 đồng

Phần II

NỘI DUNG KẾ HOẠCH NĂM 2024

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 18/7/2023 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030";

- Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025 định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/1/2022 phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 2152/QĐ-BNN-VP ngày 15/6/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Phê duyệt Kế hoạch chuyển đổi số ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giai đoạn 2022-2025;

- Nghị quyết số 18/2020/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của HĐND tỉnh Nghệ An về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025;

- Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 05/8/2022 của Ban chấp hành Đảng bộ Tỉnh Nghệ An về chuyển đổi số tỉnh Nghệ An đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Các Kế hoạch của UBND tỉnh Nghệ An: số 589/KH-UBND ngày 18/10/2021 về việc hỗ trợ đưa hộ sản xuất nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử, thúc đẩy phát triển kinh tế số nông nghiệp, nông thôn tỉnh Nghệ An năm 2021, 2022 và định hướng đến năm 2025; số 586/KH-UBND ngày 22/8/2022 Chuyển đổi số tỉnh Nghệ An đến năm 2025; số 774/KH-UBND ngày 08/11/2022 về triển khai thực hiện Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng trên địa bàn tỉnh đến năm 2025, tầm nhìn 2030; số 132/KH-UBND ngày 03/03/2023 về thực hiện chương trình Chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021-2025; số 347/KH-UBND ngày 24/05/2023 về triển khai Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Nghệ An; số 671/KH-UBND ngày 11/09/2023 về phát triển Hạ tầng số tỉnh Nghệ An giai đoạn 2023-2025; số 1004/KH-UBND ngày 19/12/2023 Kế hoạch chuyển đổi số năm 2024.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Chuyển đổi số Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh, đảm bảo mục tiêu kép: Vừa ứng dụng thành quả cách mạng công nghệ 4.0, trí tuệ nhân tạo (AI) để thay đổi hình thức hoạt động quản lý tiên tiến, hiệu quả; vừa huy

động được sự tham gia của mọi thành phần trong chuỗi giá trị nông nghiệp nhằm tối ưu hóa sản xuất, kinh doanh, giảm rủi ro, thiệt hại do biến đổi khí hậu, nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị sản phẩm nông nghiệp một cách bền vững hướng tới một nền nông nghiệp số hoàn chỉnh với việc phát triển đồng bộ nền tảng hạ tầng số, chính quyền số nông nghiệp, kinh tế số nông nghiệp và nông dân, nông thôn số.

2. Mục tiêu cụ thể

1.1 Chính quyền số

- 100% máy tính kết nối mạng LAN và Internet băng rộng; 100% cơ quan, đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng; 100% các đơn vị thuộc Sở hoàn thành xác định cấp độ an toàn Hệ thống thông tin mạng LAN.

- 100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và PTNT được quy định mức độ toàn trình được thực hiện dưới dạng dịch vụ công trực tuyến toàn trình (trừ các TTHC mang tính đặc thù); tỷ lệ giải quyết hồ sơ TTHC trên Hệ thống giải quyết TTHC tỉnh Nghệ An đạt 100%; 90% người dân và doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết TTHC. 60% hồ sơ TTHC được tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả trực tuyến. 90% hồ sơ TTHC được số hóa.

- 95% tỷ lệ người dùng thường xuyên trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành VNPTIOFFice tại Cơ quan Sở và các Chi cục thuộc Sở; 70% tỷ lệ người dùng thường xuyên trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành VNPTIOFFice tại các đơn vị thuộc sở còn lại; 95% tỷ lệ duyệt văn bản đến và ký số văn bản đi trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành VNPTIOFFice tại Cơ quan Sở và các Chi cục thuộc Sở; 80% duyệt văn bản đến và ký số văn bản đi trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành VNPTIOFFice tại các đơn vị thuộc sở còn lại trừ văn bản mật theo quy định của Pháp luật.

- 100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và PTNT (không bao gồm nội dung mật) được ký số, gửi qua trên Hệ thống báo cáo của tỉnh, Chính phủ theo quy định.

- Triển khai xây dựng CSD liệu chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

- 100%, lãnh đạo cán bộ, công chức, viên chức trong Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được đào tạo bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số để sử dụng thành thạo các ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản cho yêu cầu công việc.

1.2 Kinh tế số và xã hội số

- Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ của Đề án 06/CP.

- Tiếp tục hoàn thiện Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về chính sách nhằm khuyến khích phát triển trong nông nghiệp phù hợp với sự thay đổi công nghệ và đáp ứng yêu cầu quá trình chuyển đổi số.

- Phân đầu 50 % các sản phẩm OCOP, sản phẩm nông nghiệp chủ lực, tiềm năng của tỉnh, sản phẩm đạt tiêu chuẩn an toàn thực phẩm được ứng dụng công

nghệ số trong truy xuất nguồn gốc, hỗ trợ giới thiệu, quảng bá, tiêu thụ trên các sàn thương mại điện tử, Cổng/trang thông tin điện tử và mạng xã hội.

- Xây dựng từng bước hình thành phát triển xã hội nông nghiệp số, các doanh nghiệp, HTX nông nghiệp, người sản xuất sẵn sàng ứng dụng công nghệ số, công nghệ cao, từng bước khai thác thông tin ngành nông nghiệp phục vụ sản xuất và đời sống xã hội.

- 30% sản phẩm nông nghiệp chủ lực truy xuất được nguồn gốc, kiểm soát được về quy trình sản xuất, an toàn vệ sinh thực phẩm,... bằng công nghệ số; tối thiểu 30% sản phẩm nông nghiệp chủ lực được giới thiệu, quảng bá và bán trên các sàn thương mại điện tử.

- 40% doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp được tuyên truyền, tập huấn, hướng dẫn về kỹ năng chuyên đổi số; có sử dụng thiết bị thông minh và khai thác ứng dụng sàn thương mại điện tử, giao dịch trực tuyến với chính quyền;

- Hỗ trợ, tư vấn 40% nông dân tiếp cận các mô hình nông nghiệp thông minh, nông nghiệp công nghệ cao, phát triển chuyên đổi số trong hoạt động sản xuất, chế biến, kinh doanh sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; biết ứng dụng các công nghệ vào quy trình sản xuất, khai thác thông tin cung - cầu thông qua mạng Internet, mua bán trực tuyến.

III. NHIỆM VỤ

1. Nhận thức số

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, lồng ghép, gắn nhiệm vụ chuyên đổi nhận thức của lực lượng công chức, viên chức và người lao động trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn về chuyển đổi số với việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 18/2020/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của HĐND tỉnh Nghệ An về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025, Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 5/8/2022 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Nghệ An về chuyển đổi số tỉnh Nghệ An đến năm 2023, định hướng đến năm 2030 và các chiến lược, chương trình hành động, nhiệm vụ phát triển kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn.

- Người đứng đầu tại mỗi đơn vị thuộc sở chịu trách nhiệm trực tiếp về chất lượng công việc gắn với nhiệm vụ chuyên đổi số trong cơ quan, đơn vị, lĩnh vực mình phụ trách; tổ chức phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, nâng cao nhận thức của các cấp chính quyền, người dân và doanh nghiệp về sự cần thiết và tính cấp thiết của chuyển đổi số; chỉ đạo tái cấu trúc, đổi mới mô hình hoạt động từ “truyền thống” sang môi trường số an toàn, tích cực. Phối hợp, liên kết với các tổ chức, doanh nghiệp, các hội, hiệp hội ngành nghề công nghệ thông tin và các hội, hiệp hội chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn để tạo hiệu ứng lan tỏa.

- Căn cứ kế hoạch tổ chức hoạt động hưởng ứng ngày chuyển đổi số quốc gia năm 2024 của UBND tỉnh, Sở triển khai văn bản tuyên truyền ngày chuyển đổi số, các đơn vị thuộc sở triển khai tuyên truyền theo các hình thức băng rôn, khẩu hiệu, ...đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, tuyệt đối không phô trương, hình thức và phải

mang lại lợi ích thiết thực phù hợp với tinh thần cũng như chủ đề của Ngành về ngày chuyển đổi số quốc gia năm 2024.

- Tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn cán bộ, công chức, viên chức, các cơ quan, đơn vị trực thuộc tham gia vào kênh truyền thông chuyển đổi số quốc gia để cập nhật kịp thời thông tin mới nhất về chuyển đổi số phục vụ công tác và đời sống.

- Tiếp tục tổ chức tập huấn cho người dân về các văn bản Luật, các chính sách về nông nghiệp nông thôn, nông dân lồng ghép chuyển đổi số để nâng cao nhận thức cho người dân, doanh nghiệp. Tổ chức phổ cập kỹ năng số cho người dân, hướng dẫn người dân sử dụng các dịch vụ số thuộc lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn và kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân trên không gian mạng.

- Phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình Nghệ An, Báo Nghệ An và các báo đài liên quan xây dựng chuyên mục tuyên truyền về chuyển đổi số trong nông nghiệp; chia sẻ, lan tỏa, phổ biến câu chuyện thành công, tôn vinh gương thành công điển hình về chuyển đổi số nông nghiệp.

- Cập nhật các thông tin về chuyển đổi số trong nông nghiệp lên chuyên mục chuyển đổi số trên cổng/trang thông tin điện tử của Sở.

2. Thể chế số

- Tiếp tục rà soát, bổ sung, hoàn thiện và ban hành kịp thời các quy chế, quy định về hộp thư công vụ tỉnh, cổng thông tin điện tử, văn bản điện tử trong Ngành đúng pháp luật hiện hành.

- Xây dựng, ban hành các quy chế quản lý, vận hành, duy trì các cơ sở dữ liệu triển khai trong Ngành đảm bảo tính đồng bộ, an toàn thông tin và khả năng chia sẻ dữ liệu.

- Tham mưu ban hành, sửa đổi cơ chế chính sách hỗ trợ trong hoạt động sản xuất và kinh doanh đối với các doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ sản xuất kinh doanh lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh lồng ghép chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ cao.

3. Hạ tầng số

- Nâng cấp, đồng bộ Hệ thống mạng LAN, WAN, Internet, kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng, đảm bảo vận hành ổn định, hiệu quả có tính sẵn sàng và dự phòng không bị gián đoạn kết nối; nâng cấp các thiết bị công nghệ thông tin, cơ sở vật chất tại các đơn vị đáp ứng nhu cầu chuyển đổi số.

- Thủ trưởng các đơn vị thuộc sở, trang bị máy tính cho cán bộ, công chức, viên chức đảm bảo sử dụng win10 trở lên, cài đặt các phần mềm diệt mã độc theo quy định.

- Các cơ sở sản xuất, đặc biệt là doanh nghiệp, hợp tác xã tích cực đầu tư nâng cấp hạ tầng số (Internet băng thông rộng, điện thoại thông minh,...) đảm bảo đáp ứng yêu cầu triển khai, ứng dụng các dịch vụ mới của kinh tế số.

- Triển khai, lắp đặt camera giám sát phòng chống cháy rừng tại các Ban quản lý rừng phòng hộ, rừng đặc dụng.

4. Dữ liệu số

a) Tiếp tục triển khai các cơ sở dữ liệu (viết tắt: CSDL) đã triển khai, cụ thể:

- CSDL trồng trọt, bảo vệ thực vật: Tiếp tục ứng dụng Hệ thống Bản đồ nông hóa phục vụ thâm canh, chuyên đổi cơ cấu cây trồng và quản lý sử dụng bền vững tài nguyên đất vùng trồng lúa tỉnh Nghệ An; triển khai Hệ thống CSDL trồng trọt, CSDL bảo vệ thực vật do Cục Trồng trọt và Cục Bảo vệ thực vật - Bộ Nông nghiệp và PTNT chủ trì xây dựng;

- CSDL về chăn nuôi, thú y: Tiếp tục triển khai phần mềm về quản lý CSDL về chăn nuôi theo Thông tư 20/2019/TT-BNNPTNT ngày 22/11/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc cập nhật khai thác và quản lý CSDL quốc gia về chăn nuôi. Tiếp tục triển khai phần mềm cập nhật báo cáo dịch bệnh động vật (VAHIS) do Cục Thú y - Bộ Nông nghiệp và PTNT xây dựng theo Đề án 414/QĐ-TTg ngày 22/3/2021.

- CSDL quản lý lâm nghiệp: Tiếp tục ứng dụng phần mềm theo dõi diễn biến rừng (FMRS) trong lĩnh vực lâm nghiệp; tiếp tục triển khai phần mềm Quản lý cơ sở nuôi động vật hoang dã (ĐVHD) do Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam chủ trì xây dựng; tiếp tục triển khai Hệ thống Giám sát đánh giá chi trả dịch vụ môi trường rừng (DVMTR); tiếp tục triển khai Hệ thống quản lý CSDL gắn với Hệ thống giám sát chi trả dịch vụ môi trường rừng.

- CSDL về quản lý thủy sản: Tiếp tục ứng dụng CSDL nghề cá quốc gia (VNFISHBASE); Hệ thống Giám sát tàu cá (VMS); Hệ thống dữ liệu về nuôi trồng thủy sản; Dữ liệu về giống thủy sản; dữ liệu về thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản; dữ liệu về quan trắc, cảnh báo môi trường trong nuôi trồng thủy sản do Cục Thủy sản - Bộ Nông nghiệp và PTNT chủ trì xây dựng.

- CSDL quản lý phòng, chống thiên tai: Triển khai Hệ thống Bản đồ ngập lụt hạ du các hồ chứa nước trên lưu vực sông Cả do Trường Đại học Thủy lợi chủ trì xây dựng, Hệ thống đo mưa chuyên dụng Vrain.

- CSDL Chất lượng, chế biến và phát triển thị trường: Tiếp tục triển khai Hệ thống CSDL quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản. Tiếp tục triển khai CSDL về truy xuất nguồn gốc sản phẩm nông lâm thủy sản do Công ty Cổ phần Chứng nhận và kiểm nghiệm FAO chủ trì xây dựng.

b) Triển khai xây dựng các CSDL ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn, cụ thể:

- Xây dựng Danh mục Giống cây trồng đã khảo nghiệm trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

- Xây dựng CSDL về giống cây lâm nghiệp.

- Xây dựng CSDL về khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản, xử lý vi phạm trong lĩnh vực thủy sản.

- Xây dựng CSDL quản lý thủy lợi, phòng, chống thiên tai: Xây dựng CSDL hồ, đập, trạm bơm thủy lợi, Hệ thống kênh mương thủy lợi, độ cao và khoanh vùng ngập úng, Hệ thống đê điều, kè chống sạt lở bờ sông, bờ biển...

- Xây dựng CSDL về xây dựng nông thôn mới: hiện trạng thôn/xóm/bản, xã/phường đạt nông thôn mới; hiện trạng mạng lưới đường liên thôn/xóm/bản; quy hoạch nông thôn mới...

- Xây dựng CSDL nghề truyền thống, làng nghề và làng nghề truyền thống; CSDL quản lý Hợp tác xã, Tổ hợp tác và Trang trại; CSDL các sản phẩm OCOP; CSDL hộ di dân bố trí ổn định dân cư các vùng: thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới...

- Nâng cấp Hệ thống CSDL quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản (trong đó xây dựng CSDL thông tin cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản; CSDL cơ sở có/ chưa có Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm, các loại giấy chứng nhận khác; Hệ thống phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn (HACCP), Thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP), Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm ISO 22000, Tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (IFS)... hoặc tương đương; CSDL các cơ sở vi phạm các quy định về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm; CSDL phân loại cơ sở theo danh mục sản phẩm, theo mức xếp loại an toàn thực phẩm, chỉ dẫn địa lý, có/chưa có tem truy xuất nguồn gốc QR Code,...).

Xây dựng, kết nối kho dữ liệu, CSDL chuyên ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên CSDL của các đơn vị được giao nhiệm vụ xây dựng, triển khai.

5. Nền tảng số

Tiếp tục rà soát cung cấp dịch vụ công trực tuyến đối với các TTHC thuộc phạm vi giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh. Đảm bảo 100% hồ sơ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở được thực hiện trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh. Tổng số hồ sơ thực hiện tiếp nhận và giải quyết trực tuyến đối với các TTHC thực hiện toàn trình đạt 60%.

- 100% TTHC có phí, lệ phí được thực hiện thanh toán trực tuyến trên Hệ thống giải quyết TTHC của tỉnh theo quy định (trừ TTHC mang tính đặc thù).

- Tỷ lệ số hóa hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC đạt 90%.

- Tiếp tục ứng dụng, triển khai và khai thác nền tảng mạng xã hội (zalo, facebook, youtube,...) được ứng dụng để tuyên truyền, triển khai rộng rãi cho người dân và doanh nghiệp

- 100% cán bộ, công chức, viên chức Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện thanh toán điện tử trong các giao dịch thương mại.

- Tiếp tục triển khai các sản phẩm OCOP lên các sàn thương mại điện tử.

6. Nhân lực số

Tổ chức tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về kiến thức và kỹ năng số để thực hiện các nhiệm vụ được

giao, trong đó chú trọng tới bồi dưỡng, tập huấn kiến thức cơ bản về chuyển đổi số, kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin và an toàn thông tin.

Cử cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin, cán bộ kiêm nhiệm công nghệ thông tin tại các đơn vị tham gia tập huấn các lớp chuyên sâu do Sở Thông tin và Truyền thông và cấp trên tổ chức.

7. An toàn thông tin mạng

7.1. Bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ

- Hoàn thành phân loại, xác định, phê duyệt đề xuất cấp độ an toàn Hệ thống thông tin và phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ của các đơn vị thuộc sở và triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ phê duyệt.

- Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ an toàn thông tin cho Hệ thống thông tin theo quy định trước ngày 15/12/2024 (tối thiểu 1 lần/2 năm cho Hệ thống cấp độ 1, 2; 1 lần/1 năm cho Hệ thống cấp độ 3, 4 và 1 lần/06 tháng cho Hệ thống cấp độ 5).

7.2. Nguyên tắc bảo đảm an toàn thông tin mạng

- Tổ chức phổ biến, quán triệt hai nguyên tắc bảo đảm an toàn thông tin mạng, cụ thể là Hệ thống chưa kết luận bảo đảm an toàn thông tin mạng chưa đưa vào sử dụng và Hệ thống thử nghiệm, có dữ liệu thật thì phải tuân thủ đầy đủ quy định như Hệ thống chính thức.

- Liên kết và hợp tác xây dựng các giải pháp đảm bảo an toàn, an ninh mạng tại các đơn vị trong Ngành.

7.3. Trang thiết bị, giải pháp bảo đảm an toàn thông tin mạng

- Tổ chức triển khai đầy đủ các nhiệm vụ bảo đảm an toàn thông tin mạng, cụ thể là phần mềm nội bộ do đơn vị chuyên nghiệp phát triển, tuân thủ theo quy trình Khung phát triển phần mềm an toàn; Hệ thống thông tin triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ; Hệ thống thông tin được kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin mạng trước khi đưa vào sử dụng, khi nâng cấp, thay đổi định kỳ theo quy định; Hệ thống thông tin được quản lý, vận hành mô hình 4 lớp theo Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 07/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường bảo đảm an toàn, an ninh mạng nhằm cải thiện chỉ số xếp hạng của Việt Nam.

- Thực hiện kiểm tra đánh giá định kỳ về an toàn thông tin đối với các Hệ thống thông tin, Hệ thống mạng LAN, tường lửa,... đang vận hành.

7.4. Nâng cao năng lực bảo đảm an toàn thông tin

- Tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức, kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin cho các cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong Ngành.

- Cử nhân sự chuyên trách/phụ trách về an toàn thông tin/công nghệ thông tin tham gia các khóa đào tạo về quản lý, kỹ thuật về an toàn thông tin.

- Triển khai các quy định về ứng phó sự cố; tổ chức khảo sát an toàn an ninh thông tin các đơn vị trong Ngành.

8. Chính phủ số

- Đẩy mạnh việc sử dụng các Hệ thống thông tin dùng chung một cách có hiệu quả: Hệ thống quản lý văn bản và điều hành, Hệ thống thư điện tử, Cổng thông tin điện tử, Hệ thống giải quyết TTHC, Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh, Hệ thống bảo hiểm xã hội tỉnh, quản lý tài sản, dịch vụ công kho bạc nhà nước, vv... bảo đảm an toàn thông tin khi trao đổi văn bản trên môi trường mạng.

- Tiếp tục triển khai chứng thư số cá nhân và cơ quan, tổ chức cho các đơn vị trực thuộc các sở.

- Triển khai có hiệu quả các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin gắn kết chặt chẽ với chương trình cải cách hành chính. Tiếp tục triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình theo chỉ đạo của Chính phủ; triển khai thanh toán trực tuyến; từng bước số hóa các kết quả giải quyết TTHC đồng thời tăng cường số hóa hồ sơ của các tổ chức, công dân.

- Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả, toàn diện tại bộ phận tiếp nhận, trả kết quả TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; tăng cường trao đổi, xử lý hồ sơ qua mạng bảo đảm tính liên thông giữa các đơn vị trong quy trình xử lý thủ tục, tin học hóa tối đa các hoạt động trong quy trình TTHC. Tiếp tục triển khai tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Triển khai quyết liệt các nhiệm vụ và giải pháp để nâng cao hiệu quả sử dụng dịch vụ công trực tuyến đặc biệt tuyên truyền cho người dân nộp hồ sơ trực tuyến. triển khai tốt cơ chế, chính sách ưu tiên thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình đã được ban hành.

- Triển khai lưu trữ kết quả giải quyết TTHC vào kho dữ liệu trên Hệ thống giải quyết TTHC của tỉnh

- Tiếp tục duy trì việc đánh giá chỉ số chuyển đổi số của Sở Nông nghiệp và PTNT

9. Kinh tế số

- Tổ chức tập huấn, tuyên truyền sâu rộng về định hướng chiến lược phát triển kinh tế số của quốc gia, của tỉnh; tuyên truyền các thành quả và mô hình ứng dụng công nghệ cao trong hoạt động của doanh nghiệp, hợp tác xã và kinh tế hộ gia đình trên địa bàn tỉnh.

- Tham mưu hoàn thiện và triển khai các chính sách hỗ trợ trong hoạt động sản xuất và kinh doanh đối với doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ sản xuất, kinh doanh lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh; xây dựng nền tảng dữ liệu số quản lý ngành nông nghiệp, ứng dụng các mô hình sản xuất nông nghiệp thông minh, phát triển mạng lưới logistics gắn với thương mại điện tử và chuỗi sản xuất các sản phẩm chủ lực, sản phẩm VietGAP, Global GAP, OCOP, ... của tỉnh.

- Hỗ trợ và nâng cao hiệu quả kinh tế cho người dân, dẫn dắt nông dân để tiếp nhận chuyên giao tiên bộ khoa học kỹ thuật, góp phần cơ cấu lại ngành nông nghiệp, tạo việc làm, nâng cao thu nhập, giảm nghèo bền vững và xây dựng nông thôn mới.

- Tiếp tục triển khai nhân rộng các mô hình ứng dụng công nghệ số, công nghệ cao trên từng lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.

- Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại trên các sàn thương mại điện tử nhằm quảng bá, đưa sản phẩm nông nghiệp, tên doanh nghiệp, hợp tác xã, làng nghề, hộ sản xuất nông nghiệp đến các thị trường trong nước và quốc tế, kết nối trực tiếp giữa người bán và người mua.

- Tăng cường quan hệ hợp tác giữa các hiệp hội thuộc ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các ngành khác để tranh thủ sự hỗ trợ về năng lực quản lý, công nghệ và chia sẻ kinh nghiệm chuyển đổi số.

10. Xã hội số

- Tiếp tục thực hiện Đề án 06/CP theo chỉ đạo của các cấp trên.

- Cung cấp, chia sẻ, phổ biến, triển khai dịch vụ dữ liệu, thông tin, tài nguyên số về nông nghiệp đến người lao động, tổ chức, cá nhân, cộng đồng (dữ liệu về đất đai, khí hậu, thủy văn,...) nhằm chủ động trong sản xuất, kinh doanh.

- Khuyến khích doanh nghiệp, lao động trẻ tham gia chuyển đổi số; đào tạo các chuyên gia chuyển đổi số trong nông nghiệp giỏi cả lý thuyết lẫn thực hành sát thực tế và đúng chiến lược. Tăng cường truyền thông, tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn kỹ năng cho nông dân. Đào tạo người dân về việc sử dụng sàn thương mại để quảng bá sản phẩm. Kết nối các tổ chức như hội Phụ nữ, hội Nông dân và hợp tác xã để giúp đỡ lẫn nhau trong quá trình áp dụng công nghệ. Khuyến khích người dân sử dụng các thiết bị điện tử hiện đại, tham gia thảo luận về cách ứng dụng công nghệ cao. Mời các nông dân đã chuyển đổi số thành công chia sẻ kinh nghiệm của mình và nêu gương sáng tiêu biểu cho nông dân trong chuyển đổi số.

- Triển khai các kế hoạch đo lường sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với sự phục vụ của các cơ quan hành chính nhà nước trong tỉnh thông qua các chỉ số SIPAS, Bộ chỉ số DDCI,...

IV. GIẢI PHÁP

1 Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, kỹ năng số; xây dựng và phát triển nền tảng số; tăng cường tương tác với người dân, doanh nghiệp

- Đẩy mạnh công tác truyền thông về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số cho cán bộ, công chức, viên chức và người dân. Thực hiện nhiều hình thức thông tin tuyên truyền như: cập nhật thông tin lên Cổng thông tin điện tử, chuyên mục, phóng sự, tọa đàm, hội thảo, các chương trình truyền hình, giải pháp truyền thông hiện đại để tuyên truyền rộng rãi các kế hoạch, hoạt động ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin của Sở; nâng cao nhận thức, thay đổi thói quen hành vi, tạo sự đồng thuận của người dân, doanh nghiệp về chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số trong nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

- Xây dựng/ứng dụng các nền tảng đào tạo kỹ năng số cho người dân; ứng dụng các nền tảng, kênh tương tác trực tuyến giữa cơ quan nhà nước và người dân, doanh nghiệp.

- Thực hiện gắn kết chặt chẽ giữa cải cách TTHC với phát triển chính quyền số; rà soát các TTHC, quy trình nghiệp vụ trong các cơ quan nhà nước theo hướng đơn giản hóa hoặc thay đổi phù hợp để có thể ứng dụng hiệu quả công nghệ số. Theo chức năng nhiệm vụ được giao các đơn vị chủ động tập huấn, hướng dẫn cho người dân tiếp cận theo hướng nộp hồ sơ, thủ tục trực tuyến nhằm giảm chi phí và thời gian đi lại của người dân và doanh nghiệp.

- Chuẩn hóa kiến thức cho cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin các cơ quan nhà nước theo khung chương trình bồi dưỡng về ứng dụng công nghệ thông tin và an toàn thông tin cho cán bộ chuyên trách, kiêm nhiệm về công nghệ thông tin do Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn.

- Tăng cường bồi dưỡng kỹ năng nâng cao, chuyên sâu về công nghệ thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức của Ngành.

- Xây dựng, sửa đổi, bổ sung quy chế quản lý vận hành, duy trì các hạ tầng số, Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu triển khai trong Ngành đảm bảo tính đồng bộ, an toàn an ninh thông tin.

2. Xây dựng, hoàn thiện và khai thác dữ liệu Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Khai thác hiệu quả các phần mềm, Hệ thống thông tin hiện có

- Đối với các phần mềm/ Hệ thống thông tin triển khai từ Bộ, ngành, trung ương và các dự án của Chính phủ tiếp tục triển khai hiệu quả theo chỉ đạo, hướng dẫn của cấp trên đồng thời xin ý kiến đánh giá lại hiện trạng, tính năng, hiệu quả của các phần mềm/ Hệ thống thông tin, kiến nghị đưa ra quy chế quản lý, vận hành, phân quyền truy cập, cập nhật dữ liệu, khai thác chia sẻ thông tin phục vụ công tác quản lý nhà nước góp phần phát triển kinh tế số, xã hội số trong nông nghiệp.

- Đối với các phần mềm/ Hệ thống thông tin do Sở, các đơn vị thuộc Sở là chủ đầu tư, tiếp tục triển khai, rà soát, nâng cấp, khai thác hiệu quả tính năng phần mềm/ Hệ thống phục vụ công tác tham mưu lĩnh vực ngành; đẩy mạnh công tác thông tin truyền truyền, rà soát tích hợp các phần mềm/ Hệ thống đáp ứng yêu cầu vào trung tâm dữ liệu của tỉnh. Ban hành quy chế vận hành, phân quyền cập nhật dữ liệu, khai thác chia sẻ thông tin.

b. Xây dựng các ứng dụng chuyển đổi số chuyên ngành nhằm khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu Ngành, tập trung các nhiệm vụ ưu tiên

- Xây dựng Danh mục Giống cây trồng đã khảo nghiệm trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

- Xây dựng CSDL về giống cây lâm nghiệp.

- Xây dựng CSDL về khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản, xử lý vi phạm trong lĩnh vực thủy sản.

- Xây dựng CSDL quản lý thủy lợi, phòng, chống thiên tai: Xây dựng CSDL hồ, đập, trạm bơm thủy lợi, Hệ thống kênh mương thủy lợi, độ cao và khoanh vùng ngập úng, Hệ thống đê điều, kè chống sạt lở bờ sông, bờ biển...

- Xây dựng CSDL về xây dựng nông thôn mới: hiện trạng thôn/xóm/bản, xã/phường đạt nông thôn mới; hiện trạng mạng lưới đường liên thôn/xóm/bản; quy hoạch nông thôn mới...

- Xây dựng CSDL nghề truyền thống, làng nghề và làng nghề truyền thống; CSDL quản lý Hợp tác xã, Tổ hợp tác và Trang trại; CSDL các sản phẩm OCOP; CSDL hộ di dân bố trí ổn định dân cư các vùng: thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới...

- Nâng cấp Hệ thống CSDL quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản (trong đó xây dựng CSDL thông tin cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản; CSDL cơ sở có/ chưa có Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm, các loại giấy chứng nhận khác; Hệ thống phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn (HACCP), Thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP), Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm ISO 22000, Tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (IFS)... hoặc tương đương; CSDL các cơ sở vi phạm các quy định về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm; CSDL phân loại cơ sở theo danh mục sản phẩm, theo mức xếp loại an toàn thực phẩm, chỉ dẫn địa lý, có/chưa có tem truy xuất nguồn gốc QR Code,...).

- Xây dựng, kết nối kho dữ liệu, CSDL chuyên ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên CSDL của các đơn vị được giao nhiệm vụ xây dựng, triển khai.

- Xây dựng thí điểm vùng sản xuất nông nghiệp thông minh, quản lý tự động đầu vào và đầu ra của một sản phẩm nông nghiệp có truy xuất nguồn gốc trên không gian mạng.

3. Đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số trong chỉ đạo điều hành và cung cấp dịch vụ công phục vụ người dân, doanh nghiệp nhằm phát triển kinh tế số và xã hội số trong nông nghiệp

- Tiếp tục ứng dụng các phần mềm Quản lý văn bản và điều hành VNPTIOffice, Chữ ký số, Hệ thống thư công vụ tỉnh trong quản lý chỉ đạo điều hành tại các đơn vị thuộc Sở; triển khai gửi, nhận văn bản, ký số điện tử đạt ít nhất 75% tại các đơn vị; tăng cường triển khai các cuộc họp, hội nghị, hội thảo trực tuyến.

- Đẩy mạnh giải quyết TTHC trên Hệ thống giải quyết TTHC tỉnh Nghệ An, không để xảy ra trường hợp quá hạn do chủ quan, báo cáo giải trình và thư xin lỗi công dân đối với trường hợp quá hạn nguyên nhân khách quan.

- Quảng bá, tuyên truyền các sản phẩm nông nghiệp, truy xuất nguồn gốc điện tử cho các cơ sở và các dòng sản phẩm nông sản an toàn trên các sàn thương mại điện tử, Cổng thông tin điện tử của Sở, Cổng/trang thông tin điện tử của các đơn vị thuộc Sở. Đẩy mạnh tuyên truyền, ứng dụng các phần mềm/Hệ thống thông tin chuyên ngành phục vụ phát triển xã hội số trong nông nghiệp; khai thác thông

tin, ứng dụng các dịch vụ khoa học kỹ thuật nông nghiệp, các mô hình nông nghiệp thông minh trên môi trường số phục vụ phát triển sản xuất và đời sống xã hội.

4. Nghiên cứu, hợp tác để làm chủ, ứng dụng hiệu quả các công nghệ và thu hút nguồn lực công nghệ thông tin

- Triển khai nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ mới, các giải pháp tích hợp, ứng dụng, sản phẩm công nghệ thông tin phục vụ xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số trong nông nghiệp.

- Tăng cường hợp tác, chia sẻ kinh nghiệm với một số địa phương về cơ chế, chính sách phát triển chính quyền số trong nông nghiệp. Chủ động hợp tác với các Tập đoàn viễn thông và công nghệ thông tin để triển khai hạ tầng kỹ thuật, ứng dụng và phát triển công nghệ hiện đại.

- Đẩy mạnh xúc tiến đầu tư, thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp để phát triển cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin và truyền thông.

- Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư cho ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao năng lực cạnh tranh, đổi mới phương thức quản lý, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm trong nông nghiệp.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước theo quy định.

VI. DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN ƯU TIÊN TRIỂN KHAI NĂM 2024

Danh mục các nhiệm vụ, dự án triển khai trong năm 2024 tại Phụ lục kèm theo

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Văn phòng Sở

- Là cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số của Ngành có trách nhiệm tham mưu, hướng dẫn, đôn đốc, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này; định kỳ 6 tháng báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Thông tin và Truyền thông) kết quả thực hiện về chuyển đổi số của Ngành.

- Tham mưu lựa chọn đơn vị tư vấn lập hồ sơ, thực hiện nhiệm vụ về chuyển đổi số của Ngành trong năm 2024 và những năm tiếp theo chỉ đạo của các cấp trên.

- Tham mưu Sở Nông nghiệp và PTNT triển khai số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC đảm bảo việc kết nối, chia sẻ dữ liệu trong giải quyết TTHC trên môi trường điện tử; triển khai các nhiệm vụ đẩy mạnh chuyển đổi số phục vụ công tác báo cáo, chỉ đạo, điều hành của Lãnh đạo sở.

- Triển khai Hệ thống thông tin của tỉnh, Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.

- Thực hiện nhiệm vụ Kiểm soát TTHC của toàn Ngành bảo đảm nâng cao chất lượng và hiệu quả; Chủ trì, phối hợp với phòng, các đơn vị thuộc sở và các đơn vị liên quan, nâng cao hiệu quả hoạt động của Hệ thống Cổng Thông tin điện tử, Hệ thống giải quyết TTHC, Hệ thống thư điện tử, Hệ thống Quản lý văn bản

điều hành VNPTIOffice.

2. Phòng Kế hoạch - Tài chính

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan, căn cứ khả năng cân đối các nguồn ngân sách năm 2024, ưu tiên bố trí kinh phí chuyển đổi số, tham mưu trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo đúng quy định hiện hành; hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, sử dụng và thanh, quyết toán kinh phí theo quy định của pháp luật.

3. Phòng Tổ chức Cán bộ

- Chủ trì tham mưu triển khai đồng bộ chương trình, kế hoạch cải cách hành chính toàn Ngành.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng, bổ sung các tiêu chí đánh giá về chuyển đổi số vào quy định xác định chỉ số cải cách hành chính các đơn vị trong ngành.

4. Phòng Quản lý kỹ thuật và Khoa học công nghệ

- Triển khai tích hợp CSDL Bản đồ nông hóa phục vụ thâm canh, chuyển đổi cơ cấu cây trồng và quản lý sử dụng bền vững tài nguyên đất vùng trồng lúa tỉnh Nghệ An về đất lúa vào kho dữ liệu số tỉnh Nghệ An.

- Phối hợp với các đơn vị trong ngành để triển khai xây dựng CSDL Ngành Nông nghiệp và PTNT.

- Chủ trì và phối hợp với các đơn vị liên quan để tham mưu xây dựng thí điểm vùng sản xuất nông nghiệp thông minh, quản lý tự động đầu vào và đầu ra của một sản phẩm nông nghiệp có truy xuất nguồn gốc trên không gian mạng.

5. Chi cục Chất lượng, chế biến và phát triển thị trường

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thúc đẩy thương mại điện tử đặc biệt là thương mại điện tử vùng nông thôn, đưa các sản phẩm nông nghiệp của người dân buôn bán, cung cấp hàng hóa trên các sàn thương mại điện tử.

6. Các phòng sở, đơn vị thuộc sở

- Triển khai các nhiệm vụ tại Kế hoạch này, Chủ trì, phối hợp với Văn phòng sở xây dựng dự toán kinh phí xây dựng cơ sở dữ liệu Ngành Nông nghiệp và phát triển nông thôn theo nhiệm vụ được giao tại mục VI của Kế hoạch này trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt.

- Theo từng lĩnh vực chuyên môn được giao, chủ động rà soát và đề xuất các nội dung, nhiệm vụ về chuyển đổi số nhằm góp phần thúc đẩy mạnh mẽ công tác chuyển đổi số của Ngành đạt hiệu quả cao nhất trong thời gian tới.

- Chủ động nâng cao tinh thần, trách nhiệm, tính quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong việc tổ chức, thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ thực hiện chuyển đổi số tại cơ quan, đơn vị mình; coi đây là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt của cơ quan, đơn vị.

- Tăng cường tuyên truyền về kế hoạch và kết quả thực hiện chuyển đổi số của các ngành, địa phương trên Cổng/Trang thông tin điện tử của Sở, đơn vị mình.

- Phối hợp với Văn phòng sở, đơn vị liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được phân công tại Phụ lục của Kế hoạch, các chương trình, dự án đảm bảo chất lượng, hiệu quả, đúng quy định.

- Triển khai áp dụng các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt, thanh toán số.

- Báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch này về Sở Nông nghiệp và PTNT (qua Văn phòng sở) định kỳ 6 tháng (trước ngày 5/6/2023 hoặc khi có yêu cầu) để Sở tổng hợp, báo cáo Sở Thông tin truyền thông và UBND tỉnh theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch chuyển đổi số Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn năm 2024. Sở Nông nghiệp và PTNT yêu cầu các phòng sở, các đơn vị thuộc sở triển khai thực hiện; trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, kịp thời báo cáo về Sở Nông nghiệp và PTNT để xem xét, điều chỉnh, bổ sung vào kế hoạch hàng năm phù hợp với tình hình thực tế./.

Nơi nhận:

- Sở Thông tin và Truyền thông (đ/b);
- Lãnh đạo sở;
- Các phòng sở;
- Các đơn vị thuộc sở;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

Phùng Thành Vinh

PHỤ LỤC

DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHUYÊN ĐỔI SỐ NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN NĂM 2024

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-SNN ngày tháng năm 2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT Nghệ An)

STT	Nội dung thực hiện	Đơn vị Chủ trì	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
A	Chuyển đổi số hướng đến hoàn thiện chính quyền điện tử và xây dựng chính quyền số			
I	Chuyển đổi nhận thức			
1	Tổ chức hội nghị, hội thảo, tuyên truyền, truyền thông nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, thúc đẩy kinh tế số, xã hội số của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn	Văn phòng sở	Các phòng sở, đơn vị thuộc sở	
2	Tập huấn cho người dân, doanh nghiệp về chuyển đổi số, các quy định, các mô hình kinh tế số, xã hội số	Văn phòng sở	Các phòng sở, đơn vị thuộc sở	
3	Triển khai chuyên mục về chuyển đổi số trong nông nghiệp trên Cổng thông tin điện tử của Sở	Văn phòng Sở	Các phòng sở, đơn vị thuộc sở	
II	Phát triển hạ tầng số			
1	Đầu tư trang thiết bị máy tính đảm bảo đúng quy định, nâng cấp Hệ thống mạng nội bộ (LAN), kết nối mạng đồng bộ đạt chuẩn kỹ thuật theo hồ sơ phê duyệt cấp độ	Các đơn vị thuộc sở	Văn phòng sở	

2	Lắp đặt camera giám sát, bảo vệ rừng và cảnh báo sớm cháy rừng	Các Ban quản lý rừng phòng hộ, rừng đặc dụng	Văn phòng sở	
III	Xây dựng cơ chế, chính sách			
1	Rà soát, xây dựng hoàn thiện các chính sách ưu đãi, hỗ trợ về nguồn vốn, cơ sở vật chất cho người dân và doanh nghiệp trong phát triển thủy sản, phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm, phát triển nông nghiệp, nông thôn, lâm nghiệp trong ứng dụng công nghệ mới, công nghệ cao	Các phòng sở, các Chi cục thuộc sở	Văn phòng sở	
2	Xây dựng quy chế Hệ thống thư công vụ của tỉnh, sửa đổi các quy chế của các Hệ thống phần mềm dùng chung đảm bảo phù hợp với quy định	Văn phòng sở	Các đơn vị thuộc sở	
IV	Phát triển các ứng dụng, dịch vụ			
1	Tiếp tục thực hiện có hiệu quả phần mềm Quản lý văn bản và điều hành VNPTIOffice đạt 95% tỷ lệ người dùng thường xuyên trên Hệ thống VNPTIOffice tại Cơ quan Sở và các Chi cục thuộc Sở; 70% tỷ lệ người dùng thường xuyên trên Hệ thống VNPTIOffice tại các đơn vị thuộc sở còn lại; 95% tỷ lệ duyệt văn bản đến và ký số văn bản đi trên Hệ thống VNPTIOffice tại Cơ quan Sở và các Chi cục thuộc Sở; 80% duyệt văn bản đến và ký số văn bản đi trên Hệ thống VNPTIOffice tại các đơn vị thuộc sở còn lại trừ văn bản mật theo quy định của Pháp luật.	Các phòng sở, các đơn vị thuộc sở	Văn phòng sở	

2	Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Hệ thống giải quyết TTHC tỉnh Nghệ An về lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn: tỷ lệ giải quyết hồ sơ TTHC trên Hệ thống giải quyết TTHC tỉnh Nghệ An đạt 100%; 90% người dân và doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết TTHC; 60% hồ sơ TTHC được tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả trực tuyến. 90% hồ sơ TTHC được số hóa.	Các phòng: Quản lý kỹ thuật và Khoa học công nghệ, Quản lý xây dựng công trình, Tổ chức cán bộ; Các chi cục thuộc sở; Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng; Văn phòng điều phối chương trình nông thôn mới	Văn phòng sở	
3	Triển khai Hệ thống thư công vụ tỉnh; Hệ thống báo cáo của tỉnh; Hệ thống phần mềm quản lý cán bộ, công chức viên chức tỉnh; Hệ thống bảo hiểm xã hội tỉnh; DTsoft - phần mềm kế toán và các phần mềm dung chung khác	Các phòng sở, các đơn vị thuộc sở	Văn phòng sở	
V	Phát triển hạ tầng dữ liệu			
a)	Tiếp tục triển khai các nội dung			
1	Tập hợp, số hóa nội dung, chuẩn hóa CSDL văn bản hành chính, văn bản chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn	Văn phòng sở, các đơn vị thuộc sở		
2	Tiếp tục ứng dụng phát triển Hệ thống Bản đồ nông hóa phục vụ thâm canh, chuyển đổi cơ cấu cây trồng và quản lý sử dụng bền vững tài nguyên đất vùng trồng lúa tỉnh Nghệ An. Tích hợp, chia sẻ dữ liệu mở lên Cổng dữ liệu mở tỉnh Nghệ An theo quy định	Phòng Quản lý kỹ thuật và Khoa học công nghệ	Văn phòng sở	
3	Triển khai Hệ thống CSDL trồng trọt, CSDL bảo vệ thực vật do Cục Trồng trọt và Cục Bảo vệ thực vật -	Chi cục Trồng trọt và	Phòng Quản lý kỹ thuật và	

	Bộ Nông nghiệp và PTNT chủ trì xây dựng.	Bảo vệ thực vật	Khoa học công nghệ	
4	Triển khai Hệ thống CSDL chăn nuôi theo quy định tại Điều 11, Luật Chăn nuôi và Thông tư số 20/2019/TT-BNNPTNT ngày 22/11/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; Tích hợp, chia sẻ dữ liệu mở lên Cổng dữ liệu mở tỉnh Nghệ An theo quy định	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Phòng Quản lý kỹ thuật và Khoa học công nghệ, Văn phòng sở	
5	Triển khai Hệ thống VAHIS - Hệ thống quản lý thông tin dịch bệnh động vật Việt Nam do Bộ Nông nghiệp và PTNT chủ trì xây dựng	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Phòng Quản lý kỹ thuật và Khoa học công nghệ	
6	Tiếp tục ứng dụng phần mềm theo dõi diễn biến rừng (FMRS) trong lĩnh vực lâm nghiệp	Chi cục kiểm lâm	Phòng Kế hoạch tài chính, phòng Quản lý kỹ thuật và khoa học công nghệ; các Ban quản lý rừng phòng hộ, rừng đặc dụng thuộc sở	
7	Tiếp tục triển khai phần mềm Quản lý cơ sở nuôi động vật hoang dã (ĐVHD) do Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam chủ trì xây dựng	Chi cục kiểm lâm	Phòng Kế hoạch tài chính, phòng Quản lý kỹ thuật và Khoa học công nghệ; các Ban quản lý rừng phòng hộ,	

			rừng đặc dụng thuộc sở	
8	Tiếp tục triển khai Hệ thống Giám sát đánh giá chi trả dịch vụ môi trường rừng (DVMTR)	Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng	Phòng Kế hoạch tài chính, phòng Quản lý kỹ thuật và khoa học công nghệ, Chi cục kiểm lâm	
9	Tiếp tục triển khai Hệ thống quản lý CSDL gắn với Hệ thống giám sát chi trả dịch vụ môi trường rừng	Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng	Phòng Kế hoạch tài chính, phòng Quản lý kỹ thuật và khoa học công nghệ, Chi cục kiểm lâm	
10	Tiếp tục ứng dụng CSDL nghề cá quốc gia (VNFISHBASE); Hệ thống Giám sát tàu cá (VMS); Hệ thống dữ liệu về nuôi trồng thủy sản; Dữ liệu về giống thủy sản; Dữ liệu về thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản; Dữ liệu về quan trắc, cảnh báo môi trường trong nuôi trồng thủy sản do Cục Thủy sản - Bộ Nông nghiệp và PTNT chủ trì xây dựng	Chi cục Thủy sản và Kiểm ngư	Phòng Kế hoạch tài chính, phòng Quản lý kỹ thuật và khoa học công nghệ	
11	Tiếp tục ứng dụng Hệ thống đo mưa chuyên dụng Vrain	Chi cục Thủy lợi	Phòng Quản lý xây dựng công trình	
12	Tiếp tục triển khai Hệ thống Bản đồ ngập lụt hạ du	Chi cục thủy lợi	Phòng Quản lý	

	các hồ chứa nước trên lưu vực sông Cả do Trường Đại học Thủy lợi chủ trì xây dựng		xây dựng công trình	
13	Tiếp tục triển khai CSDL về truy xuất nguồn gốc sản phẩm nông lâm thủy sản do Công ty Cổ phần Chứng nhận và kiểm nghiệm FAO chủ trì xây dựng	Chi cục Chất lượng, chế biến và Phát triển thị trường	Phòng Quản lý kỹ thuật và Khoa học công nghệ	
b)	<i>Xây dựng CSDL Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</i>			
1	Xây dựng Danh mục Giống cây trồng đã khảo nghiệm trên địa bàn tỉnh Nghệ An	Trung tâm Giống cây trồng	Phòng Kế hoạch tài chính, Phòng Quản lý kỹ thuật và Khoa học công nghệ, Văn phòng sở	
2	Xây dựng CSDL về giống cây lâm nghiệp	Chi cục Kiểm lâm	Phòng Kế hoạch tài chính, Phòng Quản lý kỹ thuật và Khoa học công nghệ, Văn phòng sở	
3	Xây dựng CSDL về khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản, xử lý vi phạm trong lĩnh vực thủy sản.	Chi cục Thủy sản và Kiểm ngư	Phòng Kế hoạch tài chính, Phòng Quản lý kỹ thuật và Khoa học công nghệ, Văn phòng sở	

4	Xây dựng CSDL quản lý thủy lợi, phòng, chống thiên tai: Xây dựng CSDL hồ, đập, trạm bơm thủy lợi, Hệ thống kênh mương thủy lợi, độ cao và khoanh vùng ngập úng, Hệ thống đê điều, kè chống sạt lở bờ sông, bờ biển...	Chi cục Thủy lợi	Phòng Kế hoạch tài chính, phòng Quản lý xây dựng công trình, Văn phòng sở	
5	Xây dựng CSDL về xây dựng nông thôn mới: hiện trạng thôn/xóm/bản, xã/phường đạt nông thôn mới; hiện trạng mạng lưới đường liên thôn/xóm/bản; quy hoạch nông thôn mới...	Văn phòng điều phối chương trình nông thôn mới	Phòng Kế hoạch tài chính, phòng Quản lý kỹ thuật và Khoa học công nghệ, Văn phòng sở	
6	Xây dựng CSDL nghề truyền thống, làng nghề và làng nghề truyền thống; CSDL quản lý Hợp tác xã, Tổ hợp tác và Trang trại; sản phẩm OCOP; CSDL hộ di dân bố trí ổn định dân cư các vùng: thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới...	Chi cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn	Phòng Kế hoạch tài chính, phòng Quản lý kỹ thuật và Khoa học công nghệ, Văn phòng sở	
7	Nâng cấp Hệ thống CSDL quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản (trong đó xây dựng CSDL thông tin cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản; CSDL cơ sở có/ chưa có Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm, các loại giấy chứng nhận khác; Hệ thống phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn (HACCP), Thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP), Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm ISO 22000, Tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (IFS)... hoặc tương đương; CSDL các cơ sở vi phạm	Chi cục Chất lượng, chế biến và Phát triển thị trường	Phòng Kế hoạch tài chính, phòng Quản lý kỹ thuật và Khoa học công nghệ, Văn phòng sở	

	các quy định về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm; CSDL phân loại cơ sở theo danh mục sản phẩm, theo mức xếp loại an toàn thực phẩm, chỉ dẫn địa lý, có/chưa có tem truy xuất nguồn gốc QR Code,...)			
8	Xây dựng, kết nối kho dữ liệu, CSDL chuyên ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên CSDL của các đơn vị được giao nhiệm vụ xây dựng, triển khai	Văn phòng sở	Các phòng sở, đơn vị thuộc sở	
VI	Đảm bảo an toàn, an ninh thông tin			
1	Xây dựng Hệ thống thông cấp độ đối với các Hệ thống chưa phê duyệt theo Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 1/7/2016 và Nghị định số 53/2022/NĐ-CP ngày 15/8/2022 của Chính phủ, Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông và các văn bản QPPL hiện hành.	Các đơn vị thuộc sở	Văn phòng sở	
2	Triển khai các chương trình nâng cao nhận thức về an ninh, an toàn thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.	Văn phòng sở	Các đơn vị thuộc sở	
B	Chuyển đổi số ngành hướng đến phát triển kinh tế số			
1	Xây dựng đề án các vùng chuyên thâm canh chuyển đổi cây trồng, vật nuôi và kêu gọi đầu tư lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao, lâm nghiệp công nghệ cao	Phòng Quản lý kỹ thuật và Khoa học công nghệ	Các phòng sở, đơn vị thuộc sở	
2	Xây dựng các mô hình sản xuất, kết nối nông nghiệp	Phòng Quản lý kỹ thuật	Văn phòng sở	

	thông minh, sản xuất lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao, sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ số trên từng lĩnh vực có quy mô vùng chuyên canh; mô hình công nghệ cao trong chăn nuôi,...kết nối cung cầu nông sản trên sàn thương mại điện tử.	và Khoa học công nghệ; Các chi cục, Trung tâm		
3	Phát triển, thu thập, xử lý dữ liệu và đưa ra phân tích dự báo thông tin thị trường xuất khẩu các nông sản chủ lực Việt Nam	Phòng Quản lý kỹ thuật và Khoa học công nghệ	Các đơn vị thuộc sở	
4	Xây dựng thí điểm vùng sản xuất nông nghiệp thông minh, quản lý tự động đầu vào và đầu ra của một sản phẩm nông nghiệp có truy xuất nguồn gốc trên không gian mạng	Phòng Quản lý kỹ thuật và Khoa học công nghệ	Văn phòng sở, các Chi cục, Trung tâm Khuyến nông	Các đơn vị và địa phương liên quan
C	Chuyển đổi số ngành hướng đến phát triển xã hội số			
1	Khảo sát, thống kê đo lường sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với sự phục vụ của cơ quan nhà nước về lĩnh vực nông nghiệp thông qua các chỉ số SIPAS, DDCI	Văn phòng sở	Các phòng sở, đơn vị thuộc sở	
2	Phổ biến người dân, doanh nghiệp tiếp cận sử dụng CSDL Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn như dữ liệu đất đai, khí hậu, thủy văn truy xuất nguồn gốc sản phẩm nông lâm sản,...) nhằm chủ động trong sản xuất, kinh doanh	Các đơn vị thuộc sở	Văn phòng sở	Các đơn vị và địa phương liên quan
3	Đào tạo, tuyên truyền các văn bản Luật cho người dân sử dụng các văn bản luật, công nghệ để quảng bá sản phẩm, tiêu thụ sản phẩm;	Các đơn vị thuộc sở	Văn phòng sở	Các đơn vị và địa phương liên quan

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN NGHỆ AN